

KT3-07555BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/11/2025
Trang 01 / 04

- Tên mẫu : **NƯỚC SẠCH**
Mã số mẫu: **LG - 2531**
Vị trí lấy mẫu: **NMN La Gi - Vòi sau xử lý**
Thời gian lấy mẫu: **10/11/2025**
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Dạng mẫu: lỏng;
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 02 + 0,5 L x 02;
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng;
- Số lượng mẫu : 01
- Ngày nhận mẫu : 11/11/2025
- Thời gian thử nghiệm : 11/11/2025 – 20/11/2025
- Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH THUẬN**
137 Lê Hồng Phong, Khu phố 2, Phường Phan Thiết, Tỉnh Lâm
Đồng
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
Nguyễn Hoàng Linh**TL. GIÁM ĐỐC**
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM**Phan Thành Trung**



ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3



ISO/IEC 17025:2017

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon Ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn
Testing Complex: 0 No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam 0 C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai Ward, HCMC, Vietnam 0 64 Le Hong Phong, Cao Quan Ward, HCMC, Vietnam

Website: www.quatest3.com.vn

KT3-07555BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/11/2025
Trang 02 / 04

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Mức chất lượng QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.1	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540C:2023	1000	75,8	-
7.2	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃)	mg/L	SMEWW 2340C:2023	300	29,1	-
7.3	Hàm lượng nhôm (Al)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,2	0,04	-
7.4	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	US EPA Method 350.2 (So màu/ Colorimetric)	1	KPH	0,1
7.5	Hàm lượng bari (Ba)	mg/L	US EPA Method 200.8	1,3	0,03	-
7.6	Hàm lượng cadimi (Cd)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,003	KPH	0,0005
7.7	Hàm lượng clorua (Cl ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	250 hoặc 300	22,3	-
7.8	Hàm lượng crôm (Cr)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,05	KPH	0,003
7.9	Hàm lượng đồng (Cu)	mg/L	US EPA Method 200.8	1	KPH	0,01
7.10	Hàm lượng cyanua tổng (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181 : 1996	0,05	KPH	0,005
7.11	Hàm lượng florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,5	KPH	0,03
7.12	Hàm lượng sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,3	< 0,02 (**)	0,01
7.13	Hàm lượng chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,003
7.14	Hàm lượng mangan (Mn)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,1	KPH	0,01
7.15	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,001	KPH	0,0002
7.16	Hàm lượng niken (Ni)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,07	KPH	0,003
7.17	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	11	0,6	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3



ISO/IEC 17025:2017

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon Ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: 0 No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam 0 C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai Ward, HCMC, Vietnam 0 Quan Ward, HCMC, Vietnam

KT3-07555BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/11/2025
Trang 03 / 04

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Mức chất lượng QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.18	Hàm lượng nitrit (NO_2^- tính theo N)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,9	KPH	0,01
7.19	Hàm lượng natri (Na)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	200	8,52	-
7.20	Hàm lượng sulfate (SO_4^{2-})	mg/L	SMEWW 4110B:2023	250	4,3	-
7.21	Hàm lượng kẽm (Zn)	mg/L	US EPA Method 200.8	2	KPH	0,01
7.22	Chỉ số permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	2	< 1,5 (**)	1,0
7.23	Hàm lượng molinate	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	6	KPH	0,05
7.24	Hàm lượng chlorpyrifos	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	30	KPH	1,0
7.25	Hàm lượng cyanazine	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 536	0,6	KPH	0,25
7.26	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy)	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 536	200	KPH	1,0
7.27	Hàm lượng axit monochloroacetic	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 552.3	20	< 10 (**)	5,0
7.28	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	0,1	KPH	0,02
7.29	Hoạt độ phóng xạ beta tổng	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	1,0	KPH	0,2
7.30	Hàm lượng sulfur (S^{2-})	mg/L	SMEWW 4500 S^{2-} , D:2023	0,05	KPH	0,02
7.31	Hàm lượng carbon tetrachloride	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 8260D	2	KPH	0,5
7.32	Hàm lượng vinyl clorua	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 8260D	0,3	KPH	0,1
7.33	Hàm lượng benzen	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 8260D	10	KPH	0,5
7.34	Hàm lượng 1,2-dibromo-3-chloropropane	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 8260D	1	KPH	0,07

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn trong tình với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER



ISO/IEC 17025:2017

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon Ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn
Testing Complex: 0 No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam 0 C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai Ward, HCMC, Vietnam
Website: www.quatest3.com.vn
Vietnam Testing Lab Phone: Cho Quan Ward, HCMC, Vietnam

KT3-07555BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/11/2025
Trang 04 / 04

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Mức chất lượng QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.35	Hàm lượng bromoform	µg/L	US EPA Method 8260D	100	KPH	1,0
7.36	Hàm lượng dibromochloromethane	µg/L	US EPA Method 8260D	100	KPH	1,0
7.37	Hàm lượng bromodichloromethane	µg/L	US EPA Method 8260D	60	20,6	-
7.38	Hàm lượng chloroform	µg/L	US EPA Method 8260D	300	90,0	-
7.39	Hàm lượng phenol và dẫn xuất phenol	µg/L	TCVN 6216:1996	KQĐ	KPH	0,3
7.40	Staphylococcus aureus	CFU/100 mL	SMEWW 9213B:2023	< 1	< 1(***)	-
7.41	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)	< 1	< 1(***)	-

Ghi chú:

(***): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

TCVN: Tiêu Chuẩn Quốc Gia

US EPA: United States Environmental Protection Agency

QCVN 01-1:2024/BYT : quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

(**): Là giới hạn định lượng của phương pháp thử

KPH: Không phát hiện

KQĐ: Không quy định

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-07555BMT5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/11/2025
 Trang 01 / 04

1. Tên mẫu : **NƯỚC SẠCH**
 Mã số mẫu: **LG - 2532**
 Vị trí lấy mẫu: **NMN La Gi - 279 Thống Nhất, Phường La Gi**
 Thời gian lấy mẫu: **10/11/2025**
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
 - Dạng mẫu: lỏng;
 - Số đơn vị/mẫu: 5 L x 02 + 0,5 L x 02;
 - Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng;
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu : 11/11/2025
5. Thời gian thử nghiệm : 11/11/2025 – 20/11/2025
6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH THUẬN**
137 Lê Hồng Phong, Khu phố 2, Phường Phan Thiết, Tỉnh Lâm
Đồng
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG

TL. GIÁM ĐỐC
 TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Hoàng Linh



Phan Thành Trung





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3



ISO/IEC 17025:2017
VILAS 004

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon Ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - Email: info@quatest3.com.vn
Testing Complex: 0 No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam 0 CS lot, K1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai Ward, HCMC, Vietnam 0 611 Cat Long Phung Cho Quan Ward, HCMC, Vietnam Website: www.quatest3.com.vn

KT3-07555BMT5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/11/2025
Trang 02 / 04

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Mức chất lượng QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.1	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540C:2023	1000	61,0	-
7.2	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃)	mg/L	SMEWW 2340C:2023	300	21,4	-
7.3	Hàm lượng nhôm (Al)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,2	0,05	-
7.4	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	US EPA Method 350.2 (So màu/ Colorimetric)	1	KPH	0,1
7.5	Hàm lượng bari (Ba)	mg/L	US EPA Method 200.8	1,3	0,03	-
7.6	Hàm lượng cadimi (Cd)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,003	KPH	0,0005
7.7	Hàm lượng clorua (Cl ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	250 hoặc 300	20,7	-
7.8	Hàm lượng crôm (Cr)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,05	KPH	0,003
7.9	Hàm lượng đồng (Cu)	mg/L	US EPA Method 200.8	1	KPH	0,01
7.10	Hàm lượng cyanua tổng (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181 : 1996	0,05	KPH	0,005
7.11	Hàm lượng florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,5	KPH	0,03
7.12	Hàm lượng sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,3	< 0,02 (**)	0,01
7.13	Hàm lượng chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,003
7.14	Hàm lượng mangan (Mn)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,1	KPH	0,01
7.15	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,001	KPH	0,0002
7.16	Hàm lượng niken (Ni)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,07	KPH	0,003
7.17	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	11	0,6	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-07555BMT5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/11/2025
Trang 03 / 04

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Mức chất lượng QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.18	Hàm lượng nitrit (NO_2^- tính theo N)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,9	KPH	0,01
7.19	Hàm lượng natri (Na)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	200	7,26	-
7.20	Hàm lượng sulfate (SO_4^{2-})	mg/L	SMEWW 4110B:2023	250	3,1	-
7.21	Hàm lượng kẽm (Zn)	mg/L	US EPA Method 200.8	2	< 0,02 (**)	0,01
7.22	Chỉ số permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	2	< 1,5 (**)	1,0
7.23	Hàm lượng molinate	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	6	KPH	0,05
7.24	Hàm lượng chlorpyrifos	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	30	KPH	1,0
7.25	Hàm lượng cyanazine	µg/L	US EPA Method 536	0,6	KPH	0,25
7.26	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy)	µg/L	US EPA Method 536	200	KPH	1,0
7.27	Hàm lượng axit monochloroacetic	µg/L	US EPA Method 552.3	20	< 10 (**)	5,0
7.28	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	0,1	KPH	0,02
7.29	Hoạt độ phóng xạ beta tổng	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	1,0	KPH	0,2
7.30	Hàm lượng sulfur (S^{2-})	mg/L	SMEWW 4500 S^{2-} , D:2023	0,05	KPH	0,02
7.31	Hàm lượng carbon tetrachloride	µg/L	US EPA Method 8260D	2	KPH	0,5
7.32	Hàm lượng vinyl clorua	µg/L	US EPA Method 8260D	0,3	KPH	0,1
7.33	Hàm lượng benzen	µg/L	US EPA Method 8260D	10	KPH	0,5
7.34	Hàm lượng 1,2-dibromo-3-chloropropane	µg/L	US EPA Method 8260D	1	KPH	0,07

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3



ISO/IEC 17025:2017

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon Ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: 0 No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam 0 CS lot, K1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai Ward, HCMC, Vietnam 0 Ba Le Hong Phong, Cho Quan Ward, HCMC, Vietnam

KT3-07555BMT5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/11/2025
Trang 04 / 04

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Mức chất lượng QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.35	Hàm lượng bromoform	µg/L	US EPA Method 8260D	100	KPH	1,0
7.36	Hàm lượng dibromochloromethane	µg/L	US EPA Method 8260D	100	KPH	1,0
7.37	Hàm lượng bromodichloromethane	µg/L	US EPA Method 8260D	60	15,3	-
7.38	Hàm lượng chloroform	µg/L	US EPA Method 8260D	300	98,2	-
7.39	Hàm lượng phenol và dẫn xuất phenol	µg/L	TCVN 6216:1996	KQĐ	KPH	0,3
7.40	Staphylococcus aureus	CFU/100 mL	SMEWW 9213B:2023	< 1	< 1(***)	-
7.41	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)	< 1	< 1(***)	-

Ghi chú:

(***) : Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

TCVN: Tiêu Chuẩn Quốc Gia

US EPA: United States Environmental Protection Agency

QCVN 01-1:2024/BYT : quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

(**) : Là giới hạn định lượng của phương pháp thử

KPH: Không phát hiện

KQĐ: Không quy định

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-07555BMT5/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/11/2025
Trang 01 / 04

1. Tên mẫu : **NƯỚC SẠCH**
Mã số mẫu: **LG - 2533**
Vị trí lấy mẫu: **NMN La Gi - 03 Võ Thị Sáu, phường La Gi**
Thời gian lấy mẫu: **10/11/2025**
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Dạng mẫu: lỏng;
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 02 + 0,5 L x 02;
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng;
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu : 11/11/2025
5. Thời gian thử nghiệm : 11/11/2025 – 20/11/2025
6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH THUẬN**
137 Lê Hồng Phong, Khu phố 2, Phường Phan Thiết, Tỉnh Lâm
Đồng
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



Phan Thanh Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3



ISO/IEC 17025:2017

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon Ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam - C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai Ward, HCMC, Vietnam - Phone: (84-28) 644 11 11 - Website: www.quatest3.com.vn

KT3-07555BMT5/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/11/2025
Trang 02 / 04

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Mức chất lượng QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.1	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540C:2023	1000	77,5	-
7.2	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃)	mg/L	SMEWW 2340C:2023	300	29,1	-
7.3	Hàm lượng nhôm (Al)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,2	0,11	-
7.4	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	US EPA Method 350.2 (So màu/ Colorimetric)	1	KPH	0,1
7.5	Hàm lượng bari (Ba)	mg/L	US EPA Method 200.8	1,3	0,03	-
7.6	Hàm lượng cadimi (Cd)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,003	KPH	0,0005
7.7	Hàm lượng clorua (Cl ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	250 hoặc 300	24,4	-
7.8	Hàm lượng crôm (Cr)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,05	KPH	0,003
7.9	Hàm lượng đồng (Cu)	mg/L	US EPA Method 200.8	1	KPH	0,01
7.10	Hàm lượng cyanua tổng (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181 : 1996	0,05	KPH	0,005
7.11	Hàm lượng florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,5	KPH	0,03
7.12	Hàm lượng sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,3	0,03	-
7.13	Hàm lượng chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,003
7.14	Hàm lượng mangan (Mn)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,1	0,03	-
7.15	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,001	KPH	0,0002
7.16	Hàm lượng niken (Ni)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,07	KPH	0,003
7.17	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	11	0,3	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-07555BMT5/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/11/2025

Trang 03 / 04

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Mức chất lượng QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.18	Hàm lượng nitrit (NO_2^- tính theo N)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,9	KPH	0,01
7.19	Hàm lượng natri (Na)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	200	8,76	-
7.20	Hàm lượng sulfate (SO_4^{2-})	mg/L	SMEWW 4110B:2023	250	4,1	-
7.21	Hàm lượng kẽm (Zn)	mg/L	US EPA Method 200.8	2	< 0,02 (**)	0,01
7.22	Chỉ số permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	2	< 1,5 (**)	1,0
7.23	Hàm lượng molinate	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	6	KPH	0,05
7.24	Hàm lượng chlorpyrifos	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	30	KPH	1,0
7.25	Hàm lượng cyanazine	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 536	0,6	KPH	0,25
7.26	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy)	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 536	200	KPH	1,0
7.27	Hàm lượng axit monochloroacetic	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 552.3	20	KPH	5,0
7.28	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	0,1	KPH	0,02
7.29	Hoạt độ phóng xạ beta tổng	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	1,0	KPH	0,2
7.30	Hàm lượng sulfur (S^{2-})	mg/L	SMEWW 4500 S^{2-} , D:2023	0,05	KPH	0,02
7.31	Hàm lượng carbon tetrachloride	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 8260D	2	KPH	0,5
7.32	Hàm lượng vinyl clorua	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 8260D	0,3	KPH	0,1
7.33	Hàm lượng benzen	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 8260D	10	KPH	0,5
7.34	Hàm lượng 1,2-dibromo-3-chloropropane	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 8260D	1	KPH	0,07

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phản bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3



ISO/IEC 17025:2017

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon Ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: 0 No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam 0 C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai Ward, HCMC Vietnam 0 01 Le Hong Phong, Cho Quan Ward, HCMC, Vietnam

KT3-07555BMT5/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/11/2025
Trang 04 / 04

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Mức chất lượng QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.35	Hàm lượng bromoform	µg/L	US EPA Method 8260D	100	KPH	1,0
7.36	Hàm lượng dibromochloromethane	µg/L	US EPA Method 8260D	100	< 2 (**)	1,0
7.37	Hàm lượng bromodichloromethane	µg/L	US EPA Method 8260D	60	37,2	-
7.38	Hàm lượng chloroform	µg/L	US EPA Method 8260D	300	66,9	-
7.39	Hàm lượng phenol và dẫn xuất phenol	µg/L	TCVN 6216:1996	KQĐ	KPH	0,3
7.40	Staphylococcus aureus	CFU/100 mL	SMEWW 9213B:2023	< 1	< 1(***)	-
7.41	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)	< 1	< 1(***)	-

Ghi chú:

(**): Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

TCVN: Tiêu Chuẩn Quốc Gia

US EPA: United States Environmental Protection Agency

QCVN 01-1:2024/BYT : quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

(**): Là giới hạn định lượng của phương pháp thử

KPH: Không phát hiện

KQĐ: Không quy định

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

